

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29** /2017/HSST

Ngày: 16/8/2017.

**NHÂN DANH
NUOC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Sáu.**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phan Phước Tân;**

2/ Ông **Huỳnh Thanh Hùng.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Nhựt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham dự phiên tòa: Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2017, Tại Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn A xét xử lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2017/HSST, ngày 18 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn P, sinh năm: 1989 tại thành phố C, tỉnh An Giang; ĐKKHKT: Khóm C, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 03/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; cha: Nguyễn Tấn K, sinh năm: 1962; mẹ: Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1961; anh, em ruột có hai người, bị cáo là người lớn nhất.

Tiền án: Có 02 tiền án;

- Ngày 24/01/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) xử phạt 09 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

- Ngày 20/4/2015 bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 01 năm tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2017 đến nay.

Bị cáo có mặt.

NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG:

Người bị hại:

Ông **Nguyễn C**, sinh năm 1981

Cư trú: Ấp A2, thị trấn A1, huyện A, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Lê Hoàng C1**, sinh năm 1986;
 Bà **Hoàng Thị L**, sinh năm 1953
 Cùng cư trú: Khóm 2, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.
 Tại phiên tòa, ông C có mặt, những người còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 17/5/2017, Lê Hoàng C1 điều khiển xe mô tô BS 67P-4532 chở Nguyễn Tuấn P từ thành phố C đến thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang tìm người quen tên H. Khi tìm H không gặp, thì bàn với nhau chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, cả hai đi đến khu vực ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang thì phát hiện nhà anh Nguyễn C cửa mở, bên trong có 01 cal nhựa chứa dầu ăn hiệu “*Tường An*”, nghĩ là xăng, nên C1 dừng xe cho P vào lấy. P vào lấy cal dầu ăn mang ra xe thì bị anh C phát hiện giữ P, C1 lại rồi báo Công an thị trấn A đến bắt quả tang cùng tang vật.

Căn cứ Kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 22/KL.TSĐGTTTHS ngày 19/5/2017, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định: 23 (*hai mươi ba*) lít dầu ăn nhãn hiệu *Tường An*, trị giá 460.000 đồng (*bốn trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Tại Bản cáo trạng số: 24/VKS.HS, ngày 18/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn P, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tuấn P đã khai nhận: Khi P và C1 đến huyện A tìm H không gặp, xe thì sắp hết xăng. C1 rủ P tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền mua xăng. Khi chạy ngang nhà anh C, thấy có cal nhựa nghĩ là xăng nên C1 dừng xe cho P vào lấy, mục đích đổ vào xe, số dư bán lấy tiền tiêu xài thì bị anh C cùng nhiều người khác bắt giữ.

Anh Nguyễn C khai phù hợp nội dung vụ án đã nêu, xác định đã nhận lại Cal dầu ăn và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Trong lời luận tội, Viện đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, đề xử phạt bị cáo từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù. Về biện pháp tư pháp, đề nghị áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy số tang vật còn lại; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo, người bị hại không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về tố tụng: Về các quyết định, hành vi của Cơ quan điều tra - Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện xác định là hợp pháp.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng C1, bà Hoàng Thị L và những người làm chứng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, trong hồ sơ đã có lời khai của họ; lời khai này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo P, người bị hại, đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến phản bác và cũng không yêu cầu triệu tập họ đến phiên tòa. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng là phù hợp quy định tại Điều 191, 192 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung: Xét thấy lời khai của bị cáo, người bị hại tại phiên tòa phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng có trong hồ sơ. Các lời khai này phù hợp với nội dung Biên bản phạm tội quả tang ngày 17/5/2017 của Công an thị trấn A và các tài liệu, chứng khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ ngày 17/5/2017, Nguyễn Tuấn P và Lê Hoàng C1 có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 cal dầu ăn hiệu Tường An trị giá 460.000 đồng của anh Nguyễn C. Bị cáo P và C1 thực hiện hành vi với lỗi cố ý, vì mục đích vụ lợi, cả hai đều có đầy đủ năng lực hành vi. Bị cáo Nguyễn Tuấn P có 02 tiền án, về tội “*Trộm cắp tài sản*” chưa được xóa án tích; Lê Hoàng C1 mới thực hiện hành vi phạm tội lần đầu. Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố bị cáo P, về tội, “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự; Công an huyện A xử hành chính đối với Lê Hoàng C1 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo P và C1 là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân và làm mất an ninh trật tự ở địa phương.

Xét tính chất của vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm, là đồng phạm đơn giản, không có sự cấu kết chặt chẽ. Bị cáo P và C1 là những thanh niên liều lĩnh, lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài nên rủ nhau thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo P và C1 đều hiểu hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Việc vào nhà người khác chiếm đoạt tài sản vào ban ngày là hành vi táo bạo, liều lĩnh đã gây hoang mang trong quần chúng nhân dân.

Về lượng hình: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P đã có 02 tiền án về tội trộm cắp. Trong đồng phạm, C1 là người khởi xướng, bị cáo P là người thực hiện. Bị cáo đã có thời gian trên một năm được cải tạo, giáo dục nhưng bị cáo không sửa đổi. Điều này cho thấy bị cáo chưa có ý chí phục thiện. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm để răn đe,

trừng trị bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, xét giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn, đã thu hồi trả cho người bị hại; bị cáo đã thật thà khai báo; bản thân bị cáo đang bị nhiễm HIV/AIDS, nên có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp mức độ hành vi, nhân thân bị cáo và tình hình trật tự, trị an tại địa phương, nên chấp nhận.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Tang vật thu giữ trong vụ án, gồm: xe mô tô BS 67P-4532, 01 cal nhựa màu trắng bên trong có chứa dầu ăn, 02 nón bảo hiểm, 02 nón kết, 01 khẩu trang, 01 lưỡi lam và 03 bơm kim tiêm.

Cal dầu ăn là tang vật của vụ án đã được trả cho người bị hại trong giai đoạn điều tra. Ông C không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét giải quyết.

Xe mô tô BS 67P-4532 mà Lê Hoàng C1 đã sử dụng làm phương tiện cùng bị cáo P thực hiện hành vi phạm tội lẽ ra bị tịch thu sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, xe là của bà Hoàng Thị L (mẹ của C1). Việc C1 cùng bị cáo P sử dụng xe làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội bà L không biết. 02 nón bảo hiểm, 02 nón kết, khẩu trang là của C1 và bị cáo P, xét không liên quan tội phạm. Ngày 26/6/2017, Cơ quan điều tra trả lại xe cho bà L; trả lại nón bảo hiểm, nón kết, khẩu trang cho C1 và bị cáo P là đúng quy định tại khoản 2 Điều 41 của Bộ luật hình sự. Tang vật còn lại trong vụ án, gồm: 01 (một) lưỡi lam; 03 (ba) bơm kim tiêm. Số tang vật này là của bị cáo, xét không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 138 của Bộ luật hình sự, thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét bị cáo không nghề nghiệp ổn định, không có tài sản, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát là không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Tuấn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tuấn P**, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 20, Điều 33 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt : Bị cáo **Nguyễn Tuấn P 09 (Chín) tháng** tù . Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 17/5/2017 (*Ngày mười bảy tháng năm năm hai ngàn không trăm mười bảy*).

- Áp dụng Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 (một) lưỡi lam; 03 (ba) bơm kim tiêm (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/6/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

- Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn P phải chịu **200.000 đồng** (*hai trăm ngàn*) án phí hình sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bị cáo, người bị hại là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND huyện A;
- Nhà tạm giữ huyện A;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo P;
- Người bị hại;
- THADS huyện A;
- THA hình sự;
- HSVA;

(Đã ký)

Trần Văn Sáu